

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2021/DS-ST

Ngày: 04-01-2021.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương, kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 12 năm 2020 và ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thành P, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện C, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện Th, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973;

Nơi cư trú: Ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh Đ.

- Người làm chứng: Anh Phạm Quốc B, sinh năm: 1972;

Nơi cư trú: Số XXX, đường X, KP1, phường A, thành phố D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người làm chứng anh B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thành P là anh Nguyễn Văn D trình bày: Căn cứ Giấy vay mượn ngày 07/10/2019(DL) anh Nguyễn Văn N mượn của anh Nguyễn Thành P số tiền 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/11/2019, sẽ hoàn trả lại số tiền nêu trên cho anh P, lãi suất không ghi trong giấy vay mượn, nhưng thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, mục đích vay tiền là để làm ăn. Anh P đã giao đủ số tiền vay cho anh N là 650.000.000đ, anh N có thể chấp cho anh P 01 giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu ghi tên Nguyễn Văn N. Giấy vay mượn anh Nguyễn Văn N tự viết, chữ viết trong biên nhận là do anh N viết ra, tại nhà của Anh Phạm Quốc B, có sự chứng kiến của anh B ngụ tại số 105, đường Xóm Ga, KP Thắng Lợi 1, phường Dĩ An, thành phố Bình Dương. Từ khi vay đến nay anh N không có trả số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận.

Anh P nhớ không chính xác, độ khoảng 20 ngày, anh N có đến gặp anh P hỏi mượn lại giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu tên anh N để anh N thế chấp vay tiền ngân hàng để trả lại tiền vay cho anh P, nhưng đến nay anh N không trả lại tiền vay và cũng không đưa lại giấy chứng nhận QSD đất cho anh P. Mục đích anh N giao giấy chứng nhận QSD đất cho anh P giữ là để B đảm số tiền vay nêu trên. Hiện nay giấy chứng nhận QSD đất đã trả lại cho anh N, anh P không còn giữ nên không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận QSD đất nêu trên. Đến khi hết thời hạn vay tiền là 01 tháng, anh P có điện thoại liên hệ anh N yêu cầu trả lại tiền vay theo thỏa thuận trong giấy mượn nợ, nhưng điện thoại của anh N không liên lạc được và bỏ đi không biết đi đâu cho đến nay.

Căn cứ vào giấy vay mượn anh N ghi địa chỉ ở Ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh Đ, nên anh P mới gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình để yêu cầu anh N trả lại số tiền vay nêu trên. Trước đây thì anh N làm việc ở Bình Dương, ở nhà trọ gần nhà trọ của anh P ở, sau khi vay tiền anh N bỏ đi đâu hiện nay không biết địa chỉ cư trú cụ thể, chỉ có xác nhận của công an xã Tân Quới xác nhận anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1973 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh Đ. Anh Nguyễn Văn D người đại diện ủy quyền của anh Nguyễn Thành P, cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên của bên người vay tiền là của Nguyễn Văn N, nếu sai sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Nay anh P yêu cầu anh N phải trả lại số tiền vay còn nợ gốc là 650.000.000đ, yêu cầu tính lãi từ ngày nhận tiền là ngày 07/10/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất là 20%/năm.

Bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh P cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh N về việc yêu cầu khởi kiện của anh P.

Người làm chứng Anh Phạm Quốc B trình bày: Vào ngày 07/10/2019 anh B có chứng kiến việc anh P và anh N thỏa thuận vay tiền với số tiền 650.000.000đ, lãi suất là 20%/năm, thời hạn vay là 01 tháng trả lại vốn và lãi, mục đích vay là để làm ăn, việc vay tiền diễn ra tại nhà của anh B và anh B chứng kiến việc thỏa thuận vay tiền và giao nhận tiền. Khi vay tiền anh N có thể chấp cho anh P 01 giấy chứng nhận QSD đất và 01 sổ hộ khẩu tên Nguyễn Văn N, sau đó khoảng hơn 20 ngày anh N đến gặp anh P mượn lại giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu đã thế chấp anh P để vay tiền ngân hàng trả lại anh P. Anh B cam đoan lời khai là sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh P là anh Nguyễn Văn D trình bày: Việc anh N vay tiền của anh P là có thật, căn cứ vào giấy vay mượn và lời khai của người làm chứng Anh Phạm Quốc B đã chứng minh anh N vay của anh P số tiền gốc là 650.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, mục đích vay để kinh doanh, đến ngày 07/11/2019 là đến hạn trả nợ vay nhưng anh N không thực hiện đúng theo thoả thuận mượn nợ, không trả số tiền gốc lãi cho anh P, mặc dù anh P đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ. Anh P cam đoan lời khai là sự thật và cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền là của anh N, trường hợp sau khi Tòa án xét xử xong anh N cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền nợ cho anh P, thì anh P hoàn toàn chịu trách nhiệm trả lại số tiền anh N đã trả.

Nay anh P yêu cầu anh N trả lại số tiền vay gốc theo giấy mượn nợ là 650.000.000đ và tính lãi kể từ ngày 08/11/2019(DL) đến ngày xét xử là ngày 04/01/2021 với mức lãi suất là 20%/năm và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong nợ cho anh P theo quy định P luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo P luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thành P yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 08/11/2019 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 20%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, anh N hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp T, xã Q, huyện T, tỉnh Đ, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Giấy vay mượn anh Nguyễn Văn N có vay của anh Nguyễn Thành P số tiền 650.000.000đ, vào ngày 07/10/2019 đến ngày 07/11/2019 sẽ hoàn trả lại số tiền vay, có sự chứng kiến của Anh Phạm Quốc B, nhưng đến nay anh N không trả số tiền nợ nêu trên cho anh P, nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Giấy vay mượn ngày 07/10/2019, Tranh chấp hợp đồng vay tài sản vào năm 2019, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy anh N đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh N vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi giấy vay mượn. Tòa án huyện đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng anh N không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt N là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Căn cứ Giấy mượn nợ ngày 07/10/2019, việc anh N có vay số tiền 650.000.000đ của anh P là có thật và đã xảy ra, anh N đã nhận đủ tiền vay 650.000.000đ, có sự chứng kiến của Anh Phạm Quốc B, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận trả gốc lãi đúng hạn cho anh N. Thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 07/11/2019 là phải trả gốc lãi cho anh P, nhưng đến nay anh N không thực hiện đúng theo thỏa thuận nêu trên nên anh N đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với anh P, anh P có quyền khởi kiện buộc anh N phải trả lại số tiền vay gốc lãi theo giấy vay mượn.

Anh P cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người mượn tiền là của anh Nguyễn Văn N, đồng thời cam đoan từ khi nhận tiền đến nay anh N không có trả số tiền gốc và lãi cho anh P, nếu sau Ný phát sinh tranh chấp việc anh N đã trả

xong tiền vay gốc lãi cho anh P xong thì anh P hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Anh N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh N không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của anh P và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để B vệ quyền và lợi ích hợp P cho N, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của anh N đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P buộc anh N có trách nhiệm cá nhân trả lại cho anh P số tiền còn nợ là 650.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

[2.2.] Đối với lãi suất: Anh P yêu cầu anh N phải tiếp tục trả lãi số tiền nợ gốc với mức lãi suất là 20%/năm từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/01/2021. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy vay mượn ngày 07/10/2019 giữa anh P và anh N không có thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên căn cứ lời khai của nguyên đơn và lời khai của người làm chứng anh B, anh P và anh N có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 20%/năm, với mức lãi suất thỏa thuận là 20%/năm phù với khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của anh P, buộc anh N phải trả số tiền lãi cho anh P với lãi suất là 20%/năm, thời hạn tính từ ngày 08/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/01/2021.

Lãi suất được tính như sau: Số tiền vay gốc là 650.000.000đ x 1.66%/tháng x 13 tháng 27 ngày (tính từ ngày 08/11/2019 đến ngày 04/01/2021) = 149.922.500đ (*Một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Do bị đơn anh N không có ý kiến về việc yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Văn N:

Nguyên đơn anh P khai là sau khi vay tiền khoảng 20 ngày, anh N có đến gặp anh P hỏi mượn lại giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu tên anh N để anh N đem thế chấp vay tiền ngân hàng, anh P tin tưởng nên đã trả lại giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu cho anh N. Hiện nay giấy chứng nhận QSD đất đã trả lại cho anh N, anh P không còn giữ nên không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận QSD đất nêu trên. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với việc thế chấp giấy chứng nhận QSD đất và sổ hộ khẩu của anh N.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm cá nhân chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 35.997.000đ (*Ba mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn*).

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn anh Nguyễn Thành P yêu cầu thông báo nên phải chịu lệ phí với số tiền là 2.400.000đ (*Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), anh P đã nộp và chỉ xong.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành P đối với anh Nguyễn Văn N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm cá nhân trả lại cho anh Nguyễn Thành P số tiền còn nợ 799.922.500đ (*Bảy trăm chín mươi chín triệu, chín trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp P luật có quy định khác.

2. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành P phải chịu lệ phí với số tiền là 2.400.000đ (*Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*), anh P đã nộp và chỉ xong.

3. Về án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Văn N phải có trách nhiệm chịu 35.997.000đ (*Ba mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.323.000đ (*Mười lăm*

triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018-0008390 ngày 25/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/01/2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công thanh tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ